

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN PHỐI TOP ONE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:2804/2024/CBTT-TOP

Hà Giang, ngày 28 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE
2. Mã chứng khoán : TOP
3. Địa chỉ trụ sở chính : Tổ 1, thị trấn Việt Lâm ,huyện Vị Xuyên , tỉnh Hà Giang, Việt Nam.
4. Điện Thoại : 0967923532 - 0978559848
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Văn Bình – Chủ tịch HĐQT
6. Loại thông tin công bố 24h 72h yêu cầu bất thường định kỳ.
7. Nội dung của thông tin công bố : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số: 01/2024/BBH-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2024.
8. Nội dung công bố thông tin được đăng tải vào ngày 28/04/2024 trên website theo đường dẫn : <http://toponejs.com>.

Chúng tôi xin được thông báo tới Quý cơ quan và cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Công bố trên Website công ty

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1, thị trấn Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu tháng 3 năm 2013 thay đổi lần thứ 14 ngày 27/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Thời gian tổ chức: Từ lúc 08 giờ 00, ngày 28 tháng 04 năm 2024.

Địa điểm tổ chức: Lô 03, Tòa nhà TSQ Eurolank khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội.

Công ty cổ phần phân phối Top One họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (viết tắt: *ĐHĐCĐ*) theo triệu tập của Hội đồng quản trị.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI.

- 1) Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, gồm:
 - Ông Nguyễn Văn Bình, Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật Công ty;
 - Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng, Thành viên HĐQT;
 - Ông Trần Anh Tuấn, Thành viên HĐQT;
 - Ông Nguyễn Bình Minh, Thành viên HĐQT độc lập;
- 2) Các cổ đông và đại diện theo ủy quyền.
- 3) Ban lãnh đạo Công ty, CBNV Công ty.
- 4) Các đại biểu.

II. THỦ TỤC KHAI MẠC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ) THƯỜNG NIÊN.

1) Báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng thay mặt Ban tổ chức báo cáo:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 25.350.000 cổ phần, tương đương 25.350.000 phiếu biểu quyết.
- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được chốt vào ngày 19/03/2024.
- Tổng số cổ đông tham dự đến thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 28/04/2024 là 11/517 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 14.856.300 cổ phần tham dự Đại hội, chiếm tỷ lệ 58.6%



so với tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Vì vậy, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của TOP đã đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật.

2) Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Ông Nguyễn Ngọc Dương thay mặt Ban tổ chức:

- Tuyên bố lý do cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Giới thiệu Đại Biểu và các thành phần tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

3) Giới thiệu và mời Đoàn Chủ tịch lên điều hành cuộc họp.

- Ông Nguyễn Văn Bình, Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa.
- Ông Nguyễn Ngọc Dương, Thành viên HĐQT.
- Ông Trần Anh Tuấn, Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Bình Minh, Thành viên HĐQT độc lập.

4) Cử Thư ký, thông qua Ban kiểm phiếu.

Ông Nguyễn Văn Bình, Chủ tọa:

- Cử Thư ký cuộc họp: Ông Vũ Văn Thuận làm Thư ký cuộc họp.
- Giới thiệu Ban kiểm phiếu (Ban KP) để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, gồm các thành viên sau:

+ Ông Trần Anh Tuấn : Trưởng ban kiểm phiếu.

+ Ông Nguyễn Ngọc Dương : Thành viên ban kiểm phiếu.

ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết.

5) Thông qua Quy chế và Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên.

Ông Nguyễn Văn Bình, Chủ tọa:

Giới thiệu Ông Nguyễn Ngọc Dương, Thành viên HĐQT - Ban tổ chức trình bày quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và giới thiệu ông Nguyễn Ngọc Dương - Thành viên HĐQT Công ty trình bày nội dung chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Quy chế họp và Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết.

III. CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA.

III.1 Các Báo cáo, Tờ trình Đại hội

1) Ông Trần Anh Tuấn – TV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trình bày:

- Tờ trình báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
- Tờ trình báo cáo tài chính năm 2023.
- Tờ trình kiểm toán, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty các năm 2022, 2023, 2024.



- Tờ trình mua ô tô con phục vụ hoạt động của Công ty.

2) Ông Nguyễn Văn Bình – Chủ tịch HĐQT công ty trình bày:

- Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT Công ty năm 2024.
- Tờ trình báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên năm 2023.

III.2 Đại hội đồng cổ đông thảo luận:

Sau phần trình bày các nội dung Báo cáo, Tờ trình của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Đại hội đã tiến hành thảo luận các vấn đề liên quan, cụ thể:

Tất cả các nội dung thảo luận đã được Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc Công ty và Kế toán trưởng trả lời đầy đủ, rõ ràng và nhận được sự đồng thuận cao của toàn thể Cổ đông tham dự.

III.3 Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung:

Tổng số cổ đông có mặt đến thời điểm biểu quyết là 11 (Mười một) cổ đông, sở hữu và đại diện cho 14.856.300 cổ phần tham dự Đại hội, chiếm tỷ lệ 58.6% so với số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày 19/03/2024.

- Chủ tọa giới thiệu Ông Trần Anh Tuấn - Trưởng ban kiểm phiếu phổ biến Thể lệ biểu quyết.
 - Ông Trần Anh Tuấn.- Trưởng Ban kiểm phiếu phổ biến Thể lệ biểu quyết.
 - Chủ tọa lấy biểu quyết của Cổ đông thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, kết quả biểu quyết thông qua các nội dung cụ thể như sau:
1. Tờ trình số: 01/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc báo cáo của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - Tán thành : 14.856.300 /14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Không có ý kiến : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 2. Tờ trình số: 02/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.
 - Tán thành : 14.856.300 /14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Không có ý kiến : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 3. Tờ trình số: 03/2024/TTr- HĐQT ngày 28/04/2024 về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023 và việc phân phối lợi nhuận, trả cổ tức.
 - Tán thành : 14.856.300 /14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Không có ý kiến : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 4. Tờ trình số: 04/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc thông qua tiền lương, thù lao HĐQT Công ty thực hiện năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT năm 2024.
 - Tán thành : 14.856.300 /14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Không có ý kiến : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

5. Tờ trình số: 05/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc tìm kiếm, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty các năm 2022, 2023, 2024.
- Tán thành : 14.856.300 /14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Không có ý kiến : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
6. Tờ trình số: 06/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc mua ô tô con phục vụ hoạt động của Công ty.
- Tán thành : 14.856.300 /14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Không có ý kiến : 0/14.856.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

IV. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024.

Chủ tọa giới thiệu ông Vũ Văn Thuận Thư ký cuộc họp trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

VŨ VĂN THUẬN

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN VĂN BÌNH**

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua.
- Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE số 01/2024/BBH-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2024.



QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình số: 01/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc báo cáo của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua Tờ trình số: 02/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024

Điều 3. Thông qua Tờ trình số: 03/2024/TTr- HĐQT ngày 28/04/2024 về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023 và việc phân phối lợi nhuận, trả cổ tức.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số: 04/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc thông qua tiền lương, thù lao HĐQT Công ty thực hiện năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT năm 2024.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số: 05/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc tìm kiếm, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty các năm 2022, 2023, 2024.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số: 06/2024/TTr-HĐQT ngày 28/04/2024 về việc mua ô tô con phục vụ hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty và những người có liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Cơ quan quản lý Nhà nước;
- Công bố Website;
- Lưu Công ty.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa



HỘI TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình



Số: 01/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V.v. Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối Top One đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023

a. Về nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên diễn ra ngày 16/04/2023 gồm 5 thành viên:

1. Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch, người đại diện pháp luật Công ty
2. Ông Đặng Đức Lợi - Thành viên HĐQT
3. Nguyễn Ngọc Dưỡng - Thành viên HĐQT
4. Ngô Văn Hanh - Thành viên HĐQT
5. Trần Anh Tuấn - Thành viên HĐQT độc lập

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE được bầu tại ĐHĐCĐ bất thường diễn ra ngày 08/10/2023 gồm 4 thành viên:

- 1 Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch, người đại diện pháp luật Công ty
- 2 Ông Nguyễn Bình Minh - Thành viên HĐQT độc lập
- 3 Nguyễn Ngọc Dưỡng - Thành viên HĐQT
- 4 Trần Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

b. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao:

Hội đồng quản trị đang thực hiện và tiếp tục thực hiện Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2023 của ĐHCĐ thường niên năm 2023 và Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHCĐBT của ĐHCĐ bất thường năm 2023 diễn ra ngày 08/10/2023. Bên cạnh đó HĐQT đã triển khai các nội dung được ĐHCĐ ủy quyền như:

-Đưa vụ án tham ô tài sản của lãnh đạo cũ ra cơ quan pháp luật, để thu hồi tài sản về cho Công ty.

- Tìm hướng kinh doanh mới cho Công ty.

c. Tình hình hoạt động của HĐQT

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ của Công ty, HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo bằng việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, văn bản. HĐQT đã tổ chức được 09 cuộc họp trực tiếp. Các cuộc họp được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban điều hành, trưởng các phòng chức năng, các nội dung biểu quyết đều đạt tỷ lệ đồng thuận cao. HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết. Cuộc họp HĐQT diễn ra với tinh thần và trách nhiệm cao, phát huy tốt năng lực lanhc đạo, vì lợi ích cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với hoạt động của HĐQT, các thành viên đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công.

d. Hoạt động thành viên HĐQT độc lập

HĐQT Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT độc lập tham gia 100% cuộc họp HĐQT, đưa ra ý kiến, đề xuất, giải pháp phù hợp cho hoạt động của Công ty cũng như chủ động trao đổi về công tác SXKD, ĐTXD, định hướng phát triển trong lĩnh vực hoạt động. Thành viên HĐQT độc lập có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị đã đóng góp vai trò thiết thực trong hoạt động quản trị của Công ty. Thành viên HĐQT độc lập đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT như sau:

- HĐQT Công ty đã tổ chức họp đầy đủ một lần/quý. Các cuộc họp đều được triệu tập và thực hiện với lịch họp cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ theo quy định. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá và cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Quá trình hoạt động của HĐQT luôn có sự phân tích, nhận diện rủi ro một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như đạt được kế hoạch do ĐHCĐ giao.

-HĐQT thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, đi đúng định hướng và điều chỉnh kịp thời theo tình hình thực tế.

e. Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT

Năm 2023 Công ty đã chi trả thù lao chờ HĐQT với mỗi thành viên HĐQT mỗi tháng là 2.500.000 VNĐ(Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).Do tình hình thực tế của Công ty các thành viên HĐQT không có lương.

f. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

HĐQT luôn theo dõi, giám sát, chỉ đạo Ban điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành, cụ thể một số nội dung chính sau đây:

-Giám sát công tác điều hành, quản lý Công ty để hoàn thành tốt kế hoạch SXKD,ĐTXD

-Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

-Giám việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo quy định.

-Giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động, tạo niềm tin của người lao động đối với Công ty ..

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban điều hành tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành, quy chế nội bộ, phân cấp giữa HĐQT với Tổng giám đốc, giám đốc. HĐQT đánh giá cao sự chủ động, nỗ lực, linh hoạt quyết tâm của Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai kế hoạch SXKD,ĐTXD, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ. Đây là nhân tố quan trọng giúp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

g. Công tác quản trị Công ty

Công ty tiếp tục coi trọng việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị Công ty như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 155/NĐ-CP, Nghị định 156/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/NĐ-CP.....Công ty xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo như: Quản trị Doanh nghiệp hiệu quả; Nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo về chuyên đổi số, kiểm toán nội bộ dành cho các thành viên HĐQT, tham quan, học hỏi kinh nghiệm từ các đơn vị trong ngành để nâng cao kiến thức, kỹ năng và thực tiễn quản trị điều hành của Công ty.

HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các Báo cáo định kỳ 06 tháng và năm về tình hình quản trị Công ty, Báo cáo thường niên và các báo cáo khác, giám sát việc thực hiện công bố thông tin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, đồng thời đăng tải công khai tại Website của Công ty. Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị, đồng thời tạo điều kiện để các cổ đông, các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát và kịp thời nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024

Để đảm bảo sự phát triển bền vững tiếp tục nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty, HĐQT đương nhiệm đề xuất một số mục tiêu và giải pháp, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024 như sau:

a. Mục tiêu

- Hoàn thành kế hoạch SXKD,ĐT SX năm 2024 đã được ĐHĐCĐ giao.
- Cân đối dòng tiền đảm bảo đủ khả năng đầu tư, kinh doanh sản xuất.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.
- Quản trị, quản lý Công ty ổn định và hiệu quả.
- Mở rộng sản xuất, kinh doanh bằng cách nghiên cứu, đầu tư vào các lĩnh vực mới phù hợp với điều kiện tài chính của Công ty.
- Tiếp tục làm việc với các cơ quan thực thi pháp luật để thu hồi tài sản tham ô từ Ban lãnh đạo cũ của Công ty.

b. Phương hướng hoạt động

- Đối với hoạt động của HĐQT:
 - +Xây dựng chương trình làm việc, định hướng hoạt động bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
 - +Giám sát hoạt động của Ban điều hành.
 - +Duy trì các cuộc họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các tờ trình, báo cáo của Công ty để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.
 - +Đổi mới mô hình tổ chức, hoạt động tại Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Quản trị, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành:
 - +Định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
 - +Kiểm soát chi phí thông qua kế hoạch tài chính hàng năm, giám sát hoạt động đầu tư hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và lợi nhuận.
 - +Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành hoạt động SXKD, ĐTXD của Công ty.
 - +Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, hoạt động của Công ty.
 - +Cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2024. Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng, gắn bó cùng Công ty trong suốt những năm qua và mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, quan tâm của Quý cổ đông trong suốt thời gian tới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung báo cáo tại tờ trình này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HS ĐHCĐ2024;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình



Số: 02/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V.v. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối Top One đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE tại cuộc họp thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 với các nội dung cụ thể như báo cáo kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HS ĐHCĐ2024;



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Bình

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

Tại kế hoạch SXKD năm 2023, ĐHĐCĐ Công ty đã giao Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE các nhiệm vụ trọng tâm là bảo toàn số vốn ít ỏi mà Công ty hiện có, tìm hướng đi mới trong sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình tài chính, con người hiện tại của Công ty. Đặc biệt việc ĐHĐCĐ giao cho Công ty làm việc các cơ quan chức năng để thu hồi tài sản tham ô của lãnh đạo cũ qua các nhiệm kỳ với số tiền tham ô rất lớn: 243.200.000.000 (Hai trăm bốn ba tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Với tinh thần đoàn kết, vượt khó, khắc phục khó khăn, phát huy những thuận lợi, Công ty đã quyết liệt trong điều hành quản lý nên đã hoàn thành một số nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty giao, kết quả đạt được như sau:

1. Bảo toàn được số vốn ít ỏi Công ty hiện có
2. Tìm được hướng đi mới cho Công ty bằng việc đầu tư vào lĩnh vực đầu tư chứng khoán bước đầu cho kết quả khả quan.
3. Thu hồi tài sản tham ô của ban lãnh đạo cũ qua các nhiệm kỳ. Bước đầu đã đưa được vụ án tham ô tài sản ra cơ quan thực thi pháp luật bằng việc khởi tố bắt tạm giam nguyên các đời chủ tịch Công ty đối với ông Đinh Văn Tạo, ông Nguyễn Hữu Khá nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Với tình hình thực tế Công ty có hiện nay. Năm 2024 Công ty tiếp tục thực hiện tốt và hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao cho cụ thể như sau:

1. Sớm thu hồi tài sản tham ô về cho Công ty để mở rộng sản xuất kinh doanh đưa Công ty ngày càng phát triển.
2. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội phát triển, hướng kinh doanh mới đem lại lợi nhuận bền vững cho Công ty nhằm đảm bảo lợi ích cho Quý cổ đông.
3. Mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo đồng vốn mà Công ty bỏ ra và đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Một lần nữa, thay mặt lãnh đạo Công ty, tôi kính chúc Quý vị Đại biểu, quý cổ đông mạnh khỏe, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Số: 03/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V.v. Thông qua báo cáo tài chính năm tài chính 2023 và việc phân phối lợi
nhuận, trả cổ tức)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối Top One đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm tài chính 2023.

Báo cáo tài chính năm tài chính 2023 đã được công bố trên webstie của Công ty, công bố cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Do kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm tài chính 2023 không có lợi nhuận nên Công ty sẽ không chia cổ tức cho Cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HS ĐHCĐ2024;



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.702.285.270	3.601.273.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.721.645	166.638.863
1. Tiền	111	VI.01	27.721.645	166.638.863
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		138.910.000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		138.910.000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.500.700.001	3.400.000.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a		
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.200.001	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.400.000.000	3.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	57.500.000	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05		
IV. Hàng tồn kho	140	VI.07		
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.953.624	34.634.817
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	9.300.945	8.792.799
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.792.839	7.982.178
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	17.859.840	17.859.840
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.680.636.862	159.117.166.502
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		1.241.012.862	1.677.542.502

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09		375.000.000
- Nguyên giá	222			1.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			(1.125.000.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	1.241.012.862	1.302.542.502
- Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(420.287.138)	(358.757.498)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.08		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		157.439.624.000	157.439.624.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.439.624.000	157.439.624.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		162.382.922.132	162.718.440.182
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		83.652.285	30.000.000
I. Nợ ngắn hạn	310		83.652.285	30.000.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	18.000.000	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.000.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a		
4. Phải trả người lao động	314		13.000.000	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a		30.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a		
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		40.652.285	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
13: Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b		
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.299.269.847	162.688.440.182
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	162.299.269.847	162.688.440.182
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(91.200.730.153)	(90.811.559.818)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(90.811.559.818)	(90.209.277.122)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(389.170.335)	(602.282.696)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	VI.28		
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		162.382.922.132	162.718.440.182

Lập, Ngày 06 tháng 3 năm 2024

Người lập biên
(Ký, họ tên)

Thao
Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thao
Trần Thị Thanh

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Bình

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	478.067.948	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		478.067.948	
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	457.745.127	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.322.821	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	411.203.195	
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	65.625.733	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	687.413.672	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		(321.513.389)	
11. Thu nhập khác	31	VII.6	213.636.364	
12. Chi phí khác	32	VII.7	281.293.310	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(67.656.946)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(389.170.335)	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(389.170.335)	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

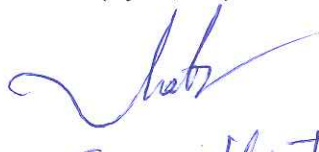

Trương Thị Thanh

- Số chứng chỉ nhân

chức vị cung cấp dịch vụ kế toán

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)


Trương Thị Thanh

Lập, Ngày 06 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

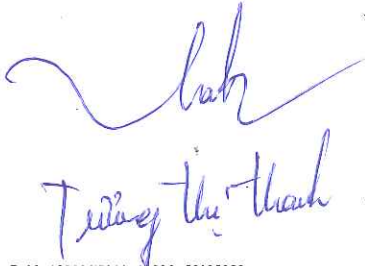
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.112.890.247	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(516.656.044)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(178.800.000)	
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(16.316.086)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		195.733.600	166.638.863
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(735.768.935)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(138.917.218)	166.638.863
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(138.917.218)	166.638.863
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		166.638.863	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VIII	27.721.645	166.638.863

Lập, Ngày 06 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Bình

- Số chứng chỉ nhân

định vị cung cấp dịch vụ kế toán:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 10 năm 2023

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 253.500.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.), tương đương 25.350.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ nhân viên: 7 cán bộ nhân viên

Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là: Bán buôn tổng hợp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính



Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chí phí mua (nếu có) như chí phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty mẹ khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019, hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT_BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT_BTC sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 09 - 50 năm |

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số đầu năm VND	Số Cuối năm VND
Tiền mặt tại quỹ	152.616.291	25.545.199
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.022.572	
- Tiền gửi VND		2.176.446
Cộng	166.638.863	27.721.645

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	157.439.624.000	157.439.624.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;		
- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;		
- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ		
- Trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì giải trình lý do.		
- Căn cứ vào Đại hội cổ đông bất thường		
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán năm 2020,2021 Khoản đầu tư này đã bị Các công ty kiểm toán đã từ chối đưa ra ý kiến do không thu thập được đầy đủ bằng chứng để xác thực được các dự án là có tồn tại thực tế hay không.		
- Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 19/09/2022, Về việc Bàn giao tài sản		
- Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 23/9/2022, Về việc Bàn giao tài sản		
- Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 30/09/2022 Về việc Bàn giao tài sản		
- Căn cứ vào Vào Biên bản họp hội đồng quản trị về việc việc xử lý kết quả bàn giao tài sản từ ông Nguyễn Hữu Khá- Chủ tịch hội đồng quản trị công ty (Ban lãnh đạo cũ) ngày 29/12/2022 .		
- Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 29/12/2022.		
- Ban lãnh đạo mới của ông ty không thể thu thập hồ sơ và không thể xác thực được tính thực tế về các dự án của các khoản đầu tư trên.Và hoàn toàn không xác thực được sự tồn tại của các dự án đầu tư này.		
- Bồi vậy việc ghi nhân số liệu trên chỉ để làm căn cứ để điều tra xác minh đánh giá lại tài sản trên theo đúng pháp luật		
Tránh thất thoát tài sản cho công ty. Việc ghi nhân số liệu trên báo cáo tài chính Không đồng nghĩa với việc chấp nhận số liệu trên là đúng và phải đợi kết quả điều tra của cơ quan công an và các ban ngành liên quan liên quan. Công ty chúng tôi sẽ họp hội đồng cổ đông để xin ý kiến lên phương án và kế hoạch cho khoản đầu tư này!		

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Cộng		

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		43.200.001
Cộng		43.200.001

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Bà Lê Thị Phương	3.400.000.000	-	3.400.000.000	-
Cộng	3.400.000.000	-	3.400.000.000	-

b. Phải thu về cho vay bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	3.400.000.000	-	3.400.000.000	-
Cộng	3.400.000.000	=	3.400.000.000	=

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết phụ lục số 01



9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiết phụ lục số 02

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí cải tạo văn phòng		
- Chi phí ngắn hạn khác chờ phân bổ	8.792.799	9.300.945
Cộng	8.792.799	9.300.945
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ		
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ		
Cộng		

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng			4.801.199	4.801.199		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.589.840				17.589.840	
Thuế Thu nhập cá nhân						
Các loại thuế khác						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						
Cộng	17.589.840		4.801.199	4.801.199	17.589.840	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
a. Ngắn hạn		
- Khác	30.000.000	
b. Dài hạn		
Cộng	30.000.000	

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	-	-

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	253.500.000.000		(90.209.277.122)	163.290.722.878
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi/ (lỗ) trong năm trước	=		602.282.696	(602.282.696)
Phân phối lợi nhuận				-
	253.500.000.000	-	(90.811.559.818)	162.688.440.182
Số dư cuối năm trước	253.500.000.000	-	(389.153.335)	(389.153.335)
Phân phối lợi nhuận				
Số dư cuối năm nay	253.500.000.000	-	(91.200.713.153)	162.299.286.847

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Các cổ đông khác	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	253.500.000.000	253.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa		478.067.947
Cộng		478.067.947

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán		457.745.127
Cộng		457.745.127

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	1.457.179	411.203.195
Cộng	1.457.179	411.203.195

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm nay
	VND	VND
- Bán cổ phần		
- Khác		
Cộng	-	-

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm nay
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí nhân công		
Cộng	-	-

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm trước VND	Năm nay VND
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí nhân công	150.440.000	191.800.000
- Chi phí khấu hao	249.029.640	155.279.640
- Thuế, phí, lệ phí	4.590.800	3.043.310
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.128.168	55.462.963
- Chi phí khác bằng tiền	18.720.341	282.010.759
Cộng	459.908.949	687.596.672

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm trước VND	Năm nay VND
- Thanh lý tài sản cố định, CCDC		
- Thu nhập khác		
Cộng		

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm trước VND	Năm nay VND
- Lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN, chậm nộp thuế		
Cộng		

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm trước VND	Năm nay VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(602.282.696)	(389.153.335)
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không hợp lệ		
Các khoản điều chỉnh giảm	143.830.926	
Thu nhập chịu thuế TNDN	(458.451.770)	(389.153.335)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)		

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm trước VND	Năm nay VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(602.282.696)	(389.153.335)
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(602.282.696)	(389.153.335)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu **(24)** **(15)**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm trước VND	Năm nay VND
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí nhân công	150.440.000	191.800.000
- Chi phí khấu hao	249.029.640	155.279.640
- Thuế, phí, lệ phí	4.590.800	3.043.310
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.128.168	55.462.963
- Chi phí khác bằng tiền	18.720.341	282.010.759
Cộng	459.908.949	687.596.672

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.721.645		166.638.863	
Phải thu khách hàng, phải thu khác		-		-
Các khoản cho vay	3.400.000.000		3.400.000.000	
Cộng	3.427.721.645	-	3.566.638.863	-

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán, phải trả khác

Cộng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán, phải trả khác	-	-
Cộng	-	-

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.721.645			27.721.645
Phải thu khách hàng, phải thu khác		-		-
Các khoản cho vay		3.400.000.000-		3.400.000.000-
Cộng	27.721.645	3.400.000.000-	-	3.427.721.645
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.721.645-			-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	-	-		-
Các khoản cho vay		3.400.000.000-		3.400.000.000
Cộng	27.721.645	3.400.000.000	-	3.427.721.645

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ		-		
Phải trả người bán, phải trả	-	-		-
Chi phí phải trả				
Cộng				
Số đầu năm				
Vay và nợ		-		
Phải trả người bán, phải trả		-		
Chi phí phải trả	30.000.000	-		30.000.000
Cộng	30.000.000	-		30.000.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
				Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài			478.067.948	478.067.948
Chi phí bộ phận			457.067.127	457.067.127
Kết quả kinh doanh bộ			20.322.821	20.322.821
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			687.413.672	687.413.672
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(321.513.389)	(321.513.389)
Doanh thu hoạt động tài chính			411.203.195	411.203.195
Chi phí tài chính			65.625.733	65.625.733
Thu nhập khác			213.636.364	213.636.364
Chi phí khác			281.293.310	281.293.310
Thuế TNDN hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế			(389.170.335)	(389.170.335)

Hà Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Trương Thị Thanh

Kế toán trưởng

Trương Thị Thanh

Giám đốc



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình

Phụ lục số 01

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá			1.500.000.000		1.500.000.000
Số đầu năm					-
- Mua trong năm					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm			1.125.000.000		1.125.000.000
- Khấu hao trong năm			93.750.000		93.750.000
- Thanh lý nhượng bán			213.636.364		213.636.364
- Giảm khác			161.363.636		161.363.636
Số cuối năm	-	-		-	
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-			0
Tại ngày cuối năm	-	-	0	-	0

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

Phụ lục số 02:

Đơn vị tính: VND

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.661.300.000	-	-	1.661.300.000
- Mua trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	1.661.300.000	-	-	1.661.300.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	297.227.858			297.227.858
- Khấu hao trong năm	61.529.640			61.529.640
- Giảm khác				-
Số cuối năm	358.757.498			358.757.498
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.364.072.142			1.364.072.142
Tại ngày cuối năm	1.302.542.502			1.302.542.502

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND



Số: 04/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT Công ty thực hiện năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT Công ty năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối Top One đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 16/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐBT, ngày 08/10/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT năm 2024 như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023:

Stt	Chức danh	Lương(VNĐ)	Thù lao (VNĐ/tháng)	Số lượng	Số tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0	2.500.000	01	12	30.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	0	2.500.000	03	12	90.000.000
Tổng				04	12	120.000.000

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT năm 2024:

Stt	Chức danh	Thù lao (VNĐ/tháng)	Số lượng	Số tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.500.000	01	12	18.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	1.000.000	03	12	36.000.000
Tổng			03	12	54.000.000



Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2023 đã thực hiện là: 120.000.000 VNĐ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HS ĐHCĐ2024;



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình



Số: 05/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V.v. Thông qua quyết định tìm kiếm, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập các năm 2022, 2023, 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối Top One đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hiện nay, Hội đồng quản trị chưa tìm kiếm được, chưa lập được danh sách công ty kiểm toán độc lập để kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt do Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc chưa được bàn giao hồ sơ, tài liệu của Công ty từ Ban lãnh đạo nhiệm kỳ trước. Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty nhiệm kỳ mới cùng cổ đông gửi đơn tố cáo ban lãnh đạo các nhiệm kỳ trước tham ô chiếm đoạt tài sản của Công ty đến các cơ quan chức năng.

Ngày 12/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “**Tham ô tài sản**”, xảy ra từ năm 2016 đến năm 2022 tại Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE (Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) để điều tra theo quy định của pháp luật, bắt tạm giam đối với ông Đinh Văn Tạo và ông Nguyễn Hữu Khả nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân phối TOP ONE các nhiệm kỳ trước.

Với các lý do trên mà các đơn vị kiểm toán độc lập từ chối thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm, phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thông qua việc giao cho Người đại diện pháp luật thương thảo các điều khoản thực hiện, kinh phí và các thủ tục cần thiết để thực hiện công tác kiểm toán, báo cáo đầy đủ kết quả kiểm toán theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HS ĐHCĐ2024;



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình



Số: 06/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V.v. Mua ô tô con phục vụ hoạt động của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được Quốc hội thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân phối Top One đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ nhu cầu và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua mua 01(một) ô tô con phục vụ hoạt động của Công ty.
2. Giá trị mua 01(một) ô tô con dưới 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng chẵn).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HS ĐHCĐ2024;



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình